



Contact Methods
Mob: (86)18668768846
Tel: (86) 577 68668118
Wechat: zigpac123
Skype: bruce.chan1999
E-mail: bruce@zigpac.com
Whatsapp: +86-18668768846
Telegram: @Zigpacstickers

Company Info
Name: Wenzhou Zigpac Industry Limited
Address: No. 148-152, Building C, Jiangbin
Commercial and Residential Building, Longgang
City, Wenzhou City, Zhejiang 325802, China



YOUR CUSTOM PRINTING & PACKAGING PARTNER FOR SMALL AND MEDIUM BUSINESSES

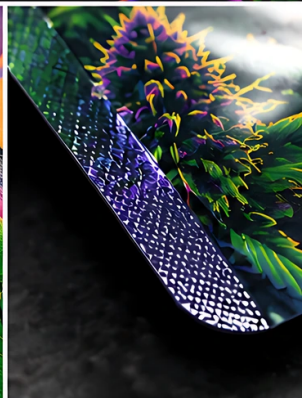
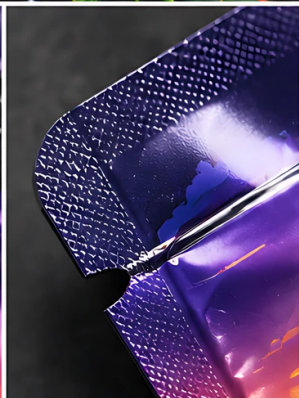


Túi Mylar chống trẻ em tùy chỉnh: túi phẳng có khóa kéo cho bản yêu cầu
bao bì của bạn

Product Image













Details

Túi Mylar phẳng tùy chỉnh có khóa kéo chống trẻ em kết hợp định dạng túi phẳng với khái niệm khóa đóng chống trẻ em và thương hiệu tùy chỉnh. Hãy cùng lúc quy định kích thước, màng, khóa kéo, quy trình hàn kín và thiết kế in. Mức độ phù hợp cuối cùng phụ thuộc vào mẫu thực tế, tính tương thích với sản phẩm và thử nghiệm bao phủ cấu hình đã chọn — không chỉ riêng tên gọi Mylar.

Danh mục: Custom Plastic Bags / Custom Mylar Pouches. Sản phẩm này sử dụng định dạng túi zipper đáy phẳng. Kích thước, cấu tạo vật liệu, lớp hoàn thiện, số lượng đặt hàng tối thiểu, thời gian sản xuất và trọng lượng đơn vị vẫn phụ thuộc vào báo giá và xác nhận mẫu. Chưa có báo cáo thử nghiệm trong phòng thí nghiệm hoặc dữ liệu hiệu suất nhà máy nào dành riêng cho sản phẩm này được xác nhận.

Định dạng này dành cho ai? Dành cho người mua bao bì, chủ thương hiệu và đơn vị đóng gói theo hợp đồng đang đánh giá túi in có thể đóng lại cho các sản phẩm bán lẻ được quản lý. Ứng dụng tiềm

năng gồm sản phẩm cần sa tại nơi được pháp luật cho phép và một số thực phẩm bổ sung hoặc sản phẩm gia dụng, tùy thuộc mức độ phù hợp với từng sản phẩm. Đây là các nhóm ứng dụng để đánh giá, không phải xác nhận túi này phù hợp với mọi chất.

Vấn đề khi mua hàng: Mô phỏng kỹ thuật số thuyết phục không xác lập được liệu túi sau khi nạp hàng có đóng đúng, hiển thị rõ thông tin bắt buộc hay vẫn sử dụng được sau nhiều lần mở. Nếu các quyết định này bị hoãn đến sau khi in, hậu quả có thể là hàng tồn không dùng được, phải điều chỉnh dây chuyền chiết rót và khiếu nại từ khách hàng.

Giải pháp thực tế: Hãy phê duyệt bao bì như một hệ thống hoàn chỉnh. Bắt đầu từ sản phẩm chứa bên trong và thị trường đích, lập thông số kỹ thuật có thể đo lường, rồi đánh giá mẫu thực tế trước khi cho phép sản xuất. Tách riêng việc phê duyệt ngoại quan khỏi chấp nhận chức năng để bề mặt đẹp không che giấu vấn đề chưa được giải quyết về khóa đóng hoặc hàn kín.



Chỉ mang tính minh họa ý tưởng. Hình ảnh không xác nhận lớp hoàn thiện, kích thước, chứng nhận hoặc hiệu suất đã thử nghiệm có sẵn.

Khám phá hướng dẫn đóng gói này

- [Điều gì khiến túi phẳng có khóa kéo có khả năng chống trẻ em?](#)
- [Cách quy định kích thước, hoàn thiện và thiết kế in dễ đọc?](#)
- [Quy trình lấy mẫu và phê duyệt sản xuất nên thực hiện thế nào?](#)
- [Kế hoạch nghiệm thu của bạn cần những hạng mục kiểm tra nào?](#)
- [Khi nào túi phẳng là lựa chọn mua phù hợp?](#)
- [Người mua cần nhớ gì trước khi đặt hàng?](#)
- [Xây dựng báo giá dựa trên cấu hình đã được phê duyệt](#)

Điều gì khiến túi phẳng có khóa kéo có khả năng chống trẻ

em? ↑

“Phẳng” xác định định dạng túi, không phải đáy đứng hoặc sức chứa nạp hàng được đảm bảo. “Mylar” không xác lập đầy đủ thông số kỹ thuật của vật liệu ghép lớp. “Chống trẻ em” liên quan đến khả năng tiếp cận sản phẩm bên trong thông qua toàn bộ bao bì. Chỉ mô tả khóa kéo, tự nó, không thể xác lập rằng túi thành phẩm đáp ứng một yêu cầu hiệu suất áp dụng.

Tên gọi của sản phẩm không hàm ý sản phẩm được CPSC phê duyệt. Cơ quan này không phê duyệt hoặc chứng nhận từng bao bì riêng lẻ, và ASTM D3475 phân loại các loại cơ cấu đóng thay vì chứng nhận hiệu suất của chúng, như được giải thích trong [Hướng dẫn về bao bì đặc biệt của CPSC^{\[1\]}](#).

Hãy tách ba chức năng trong bản yêu cầu: khả năng chống trẻ em tiếp cận, bằng chứng đã mở lần đầu và bảo vệ khỏi truyền hơi ẩm, oxy hoặc mùi. Tính năng niêm phong chống can thiệp không tự động chứng minh khả năng chống trẻ em. Tương tự, cơ cấu đóng được thiết kế để hạn chế trẻ em tiếp cận không xác lập khả năng giữ mùi hoặc thời hạn bảo quản.

Thử nghiệm phải bao gồm trẻ em và nhóm người lớn áp dụng theo [16 CFR §1700.20^{\[2\]}](#) Hãy yêu cầu báo cáo đầy đủ, bao gồm nhận diện mẫu và cấu hình. Phần trình diễn cho người lớn tại buổi bán hàng hữu ích để trao đổi về hướng dẫn, nhưng không thay thế được thử nghiệm bắt buộc.

Hãy bắt đầu rà soát quy định từ nhóm sản phẩm và thị trường dự kiến. Yêu cầu đối với cần sa phải được kiểm tra theo từng khu vực pháp lý, không được suy ra từ tuyên bố chung về bao bì. Ví dụ, California phân biệt bao bì duy trì khả năng chống trẻ em trong suốt quá trình sử dụng với một số hình thức dùng một lần; hướng dẫn của [Cơ quan Kiểm soát Cần sa^{\[3\]}](#) giải thích sự phân biệt đó. Hướng dẫn này không xác lập yêu cầu ở nơi khác.

Cách quy định kích thước, hoàn thiện và thiết kế in dễ đọc?



Bắt đầu từ không gian sử dụng được, không phải nhãn khối lượng danh nghĩa

Cung cấp kích thước thực tế của sản phẩm, dạng vật lý, điều kiện chịu tải dự kiến và phương pháp đóng gói. Nêu rõ nội dung là dạng rời, được bọc riêng từng món hay có vật liệu hỗ trợ khác. Sức chứa, tải trọng hỗ trợ và số lượng vật phẩm có thể đựng phải được xác định từ kích thước vật lý, điều kiện chịu tải và kiểm chứng bằng mẫu. Hiện chưa có thông số nào được thiết lập cho sản phẩm này.

Ghi riêng chiều rộng và chiều cao bên ngoài với vùng sử dụng được bên dưới khóa kéo. Chừa phần lề hàn, vị trí cơ cấu đóng và không gian cần thiết để nạp rồi đóng lại túi mà không kẹt vật liệu trong rãnh khóa. Kích thước túi trông quen thuộc không thể thay thế thử nghiệm nạp bằng sản phẩm đại diện.



Hạng mục thông số kỹ thuật	Thông tin người mua cần xác định	Tình trạng của sản phẩm này
Định dạng túi	Túi phẳng; xác nhận bố cục hàn kín cuối cùng	Đã xác định định dạng phẳng; chờ bản vẽ
Kích thước	Kích thước bên ngoài và sử dụng được tính bằng mm	Chờ báo giá và lấy mẫu thực tế
Cấu tạo màng	Từng lớp, bề mặt tiếp xúc và sản phẩm chứa dự kiến	Chờ thông số kỹ thuật vật liệu
Độ dày	Độ dày một thành tính bằng μm , với dung sai đã thỏa thuận	Chờ báo giá và đo đạc
Cơ cấu đóng	Mẫu khóa kéo, vị trí và hướng dẫn vận hành	Chờ xác định cơ chế chính xác và phạm vi báo cáo
In và hoàn thiện	Phiên bản thiết kế, tham chiếu màu và yêu cầu bề mặt	Chờ đánh giá tính khả thi và phê duyệt mẫu
Điều khoản thương mại	Số lượng theo thiết kế, tiến độ, khối lượng đơn vị và cơ sở giao hàng	Chưa xác lập số lượng đặt hàng tối thiểu, thời gian sản xuất và khối lượng đơn vị

Các trường này giúp báo giá có thể so sánh mà không biến thông số của nhà cung cấp khác thành cam kết cho túi này. Độ dày phải mô tả một thành, không phải tổng cả mặt trước và mặt sau. Thay thế vật liệu cần được xem xét rõ ràng thay vì chấp nhận dưới cùng một tên sản phẩm chung.

Chọn xử lý bề mặt và khả năng tiếp cận cơ cấu đóng cùng nhau

Bề mặt mờ, bóng, mềm chạm, hiệu ứng điểm và trang trí ánh kim có trên thị trường nói chung, nhưng cần xác nhận khả năng cung cấp cho cấu hình này. Hãy coi chúng là yêu cầu báo giá, không phải tính năng đã bao gồm. Đánh giá mẫu thực tế về cả ngoại quan và khả năng xác định, vận hành đúng các điểm mở dự kiến.

Với túi này, chi tiết “cơ cấu đóng ở mặt sau” liên quan là cách thể hiện mặt sau và khả năng tiếp cận

khóa kéo—không phải ghim, kẹp hay khóa trang phục. Hãy yêu cầu hình mặt trước, mặt sau và cận cảnh cơ cấu đóng. Sơ đồ mở phải khớp với cơ chế đã chọn; hướng dẫn chung cho một loại khóa kéo khác có thể gây nhầm lẫn cho người dùng dù thiết kế trông chuyên nghiệp.



Kiểm tra trước thông tin trước khi phê duyệt trang trí

Dành chỗ cho cảnh báo bắt buộc, thông tin sản phẩm chứa, nhận diện lô hàng và hướng dẫn mở trước khi bố trí các yếu tố trang trí. Rà soát cả hai mặt theo kích thước in thực tế. Không đặt văn bản quan trọng vào vùng hàn và khu vực cơ cấu đóng; đánh giá xem độ chói bề mặt hoặc độ tương phản thấp có làm thông tin khó đọc hơn không.

Xác nhận bản vẽ, phiên bản thiết kế, hướng đặt, ranh giới in và khu vực thông tin biến đổi như một gói phê duyệt. Mọi cửa sổ hoặc thay đổi độ mờ theo yêu cầu đều cần được xem xét mức độ phù hợp riêng. Không được mặc định vùng trong suốt tương thích với nhu cầu chống ánh sáng của sản phẩm dự kiến hoặc yêu cầu của thị trường đích.



Bản proof kỹ thuật số xác lập ý đồ bố cục; không xác lập màu sắc trên vật liệu nền đã chọn, cảm giác xúc giác, hành vi hàn kín hoặc hiệu suất mở. Hãy ghi lại quyết định nào được proof phê duyệt và quyết định nào vẫn phụ thuộc vào mẫu thực tế. Điều này ngăn việc ký duyệt thiết kế bị hiểu nhầm là chấp nhận toàn bộ sản phẩm.

Quy trình lấy mẫu và phê duyệt sản xuất nên thực hiện thế nào? [↑](#)

Nội dung sau là quy trình mua hàng đề xuất, không phải tuyên bố về quy trình nhà máy đã hoàn tất. Mục đích là chuyển yêu cầu chung về túi Mylar chống trẻ em tùy chỉnh thành một cấu hình có thể báo giá, lấy mẫu, đánh giá và đặt lại, với hồ sơ rõ ràng về nội dung đã được phê duyệt.

1. **Xác định ứng dụng.** Xác định sản phẩm chứa, thị trường đích, quy trình chiết rót và mô hình sử dụng dự kiến. Làm rõ liệu bao bì có cần duy trì khả năng chống trẻ em sau nhiều lần tiếp cận hay không.
2. **Xác lập cấu tạo.** Thống nhất bản vẽ túi, thông số màng, độ dày một thành, cơ cấu đóng chính xác và phương án hàn kín ban đầu. Đánh dấu rõ các tính năng chưa xác nhận là đang chờ xử lý.
3. **Đánh giá mẫu thực tế.** Kiểm tra độ vừa khi nạp, thao tác, vùng nhãn sử dụng được và hướng dẫn mở đã chọn. Mẫu có màng hoặc thành phần cơ cấu đóng khác không thể giải quyết mọi vấn đề về cấu hình sản xuất.
4. **Rà soát bằng chứng.** Đối chiếu tài liệu phòng thí nghiệm với bao bì đề xuất. Hỏi đơn vị thử nghiệm liệu khác biệt về cấu hình có cần đánh giá thêm trước khi dựa vào báo cáo hiện có hay không.
5. **Phê duyệt thiết kế và điều khoản thương mại.** Ghi nhận số lượng theo thiết kế, mẫu đã chấp nhận, tiêu chí kiểm tra đã thống nhất, các khoản phí và sự kiện bắt đầu tiến độ sản xuất.
6. **Phát hành và xác minh đơn hàng.** Kiểm tra bao bì được cung cấp theo thông số đã phê duyệt, sau đó xác nhận thiết lập chiết rót và hàn kín thực tế trước khi sử dụng thường xuyên.



Yêu cầu báo giá phân tách rõ chi phí thiết lập in, lấy mẫu, thử nghiệm, sản xuất và vận chuyển. In kỹ thuật số và in ống đồng có thể có chi phí thiết lập và hiệu quả đơn hàng khác nhau, nhưng hiện chưa xác nhận phương pháp, số lượng tối thiểu hay thời gian giao hàng nào cho sản phẩm này. Không nên trình bày mức giá hoặc thời gian giao hàng công khai của nhà cung cấp như giá hoặc cam kết giao hàng của sản phẩm này.

Tách riêng thời gian sản xuất khỏi phát triển mẫu, rà soát báo cáo và vận chuyển. Đồng thời xác định việc cần làm nếu mẫu không đạt kiểm tra độ vừa hoặc cơ cấu đóng: thông số nào sẽ thay đổi, phê duyệt nào phải lặp lại và tiến độ sẽ được điều chỉnh ra sao. Trình tự phê duyệt được xác định rõ hữu ích hơn tuyên bố “thời gian hoàn thành nhanh” không có cơ sở.

Kế hoạch nghiệm thu của bạn cần những hạng mục kiểm tra nào? [↑](#)

Thiết lập phương pháp và giới hạn nghiệm thu trước khi đặt hàng. Kế hoạch kiểm tra cần phân biệt lỗi ngoại quan với hỏng hóc chức năng, xác định cách chọn mẫu và nêu cách xử lý vật liệu không phù hợp. Không có tỷ lệ loại bỏ, tuổi thọ chu kỳ được đảm bảo hoặc kết quả thử lô nào được cung cấp cho túi này.

Hạng mục kiểm tra	Đánh giá đề xuất	Bằng chứng cần lưu giữ
Kích thước và độ dày	Đo theo bản vẽ đã phê duyệt và thông số một thành	Hồ sơ đo và nhận diện thiết bị
Gắn và vận hành khóa kéo	Kiểm tra độ thẳng hàng của rãnh khóa, vùng gắn và hành vi mở/đóng lại	Nhận diện mẫu, quan sát và mọi phép đo lực
Sử dụng lặp lại	Đánh giá hao mòn theo mô hình sử dụng dự kiến	Số chu kỳ, phương pháp và thay đổi quan sát được đã thống nhất
Độ kín của mối hàn	Dùng phép thử độ bền mối hàn hoặc rò rỉ đã thống nhất, phù hợp với bao bì	Phương pháp, điều kiện hóa, kết quả và giới hạn chấp nhận

Hạng mục kiểm tra	Đánh giá đề xuất	Bằng chứng cần lưu giữ
In và hoàn thiện	So sánh với mẫu tham chiếu đã phê duyệt và đánh giá trầy xước hoặc độ bám dính	Phiên bản thiết kế, hồ sơ so sánh và ảnh lỗi
Tương thích với sản phẩm chứa	Đánh giá vật liệu tiếp xúc và ứng dụng nạp hàng dự kiến	Các tuyên bố liên quan và kết luận tương thích

Phương pháp phù hợp phụ thuộc vào cấu tạo và ứng dụng. Chỉ kiểm tra bằng mắt không thể xác lập độ kín chống rò, còn thử nghiệm mối hàn đạt yêu cầu không thể xác lập khả năng chống trẻ em. Tương tự, kết quả phòng thí nghiệm của túi từ nhà cung cấp khác không được báo cáo như hiệu suất của sản phẩm này.



Xác nhận khả năng hàn kín trên thiết bị dự kiến sử dụng

Yêu cầu hướng dẫn hàn kín cho cấu tạo đã chọn, sau đó xác nhận trên thiết bị chiết rót dự kiến. Nhiệt độ, thời gian lưu và áp suất phải được xác lập qua thiết lập thực tế; không có cài đặt chung nào được nêu ở đây. Đưa độ sạch của vùng hàn và rãnh khóa kéo vào thử nghiệm, nhất là khi sản phẩm chứa có thể để lại hạt.

Khả năng ngăn mùi nên được xem là mục tiêu thử nghiệm, không phải lời cam kết “chống mùi” tự động. Cần đánh giá túi đã lắp ráp và đã đựng sản phẩm, bao gồm các đường hàn, đầu đóng và mối hàn ban đầu. Khi cần đo đặc tính rào cản, hãy nêu rõ điều kiện thử nghiệm truyền oxy hoặc hơi nước và đơn vị báo cáo. Hiện chưa thiết lập giá trị rào cản hay thời hạn sử dụng nào cho sản phẩm này.

Đưa khả năng sử dụng của người lớn vào quá trình rà soát

Kiểm tra xem hướng dẫn có chỉ rõ điểm cầm nắm đúng và thao tác đóng lại hay không. Coi khó khăn của người lớn dự kiến sử dụng là phản hồi thiết kế hữu ích, không phải bằng chứng về khả năng chống trẻ em mạnh hơn. Không cam kết mọi người đều dễ mở, và không giải quyết vấn đề khả dụng bằng cách khuyên khách hàng làm hỏng cơ cấu đóng.

Tài liệu vật liệu cũng cần phạm vi xác định. Mô tả chung “cấp thực phẩm” không thay thế bằng chứng liên quan đến lớp tiếp xúc, sản phẩm chứa và điều kiện sử dụng dự kiến. Mùi lạ dai dẳng, hiện tượng tách lớp thấy rõ, vùng gắn khóa kéo hư hỏng hoặc mối hàn không đồng nhất cần kích hoạt điều tra trước khi nạp hàng vào bao bì bị ảnh hưởng.

Khi nào túi phẳng là lựa chọn mua phù hợp? [↑](#)

Chọn định dạng theo khả năng bảo vệ và trình bày sản phẩm, không chỉ theo vẻ ngoài của bao bì đối thủ. Túi phẳng là một phương án khi sản phẩm chứa, quy trình chiết rót và cách trưng bày dự kiến phù hợp với định dạng mềm dẻo. Không nên mua với giả định rằng túi sẽ tự đứng hoặc bảo vệ sản phẩm dễ vỡ khỏi bị nén.

Định dạng cần đánh giá	Lý do cân nhắc	Đánh đổi cần giải quyết
Túi phẳng có khóa kéo chống trẻ em	Bao bì mềm in với khả năng đóng lại là một phần của yêu cầu	Xác nhận độ vừa khi nạp, khả năng tiếp cận cơ cấu đóng và bảo vệ trong khi thao tác
Túi đứng có khả năng chống trẻ em	Cách trưng bày bán lẻ có đầy nâng đỡ	Hình dạng và thông số kỹ thuật khác; không phải túi phẳng này
Hộp đựng bằng thủy tinh hoặc kim loại chống trẻ em	Định dạng cứng khi khả năng chống nén là quan trọng	So sánh khối lượng, thao tác, hệ thống đóng và tổng chi phí giao đến
Chai hoặc tuýp nhựa chống trẻ em	Hình dạng phù hợp với sản phẩm chứa hoặc yêu cầu nạp cụ thể	Xác minh tính tương thích, nhu cầu cân và toàn bộ cấu hình cơ cấu đóng
Hộp carton hoặc vỉ chống trẻ em	Cách trình bày có cấu trúc hoặc sản phẩm chứa được sắp xếp riêng lẻ	Đánh giá toàn bộ hệ thống, bao gồm mọi bao bì lớp bên trong cần thiết

Đây là khung lựa chọn, không phải xếp hạng giá. Chi phí giao đến phụ thuộc vào thông số thực tế, số lượng, nhu cầu thử nghiệm và phương án vận chuyển. So sánh các phương án bằng cùng sản phẩm chứa, mục đích sử dụng và yêu cầu nghiệm thu; nếu không, báo giá rẻ hơn có thể chỉ đơn giản là loại trừ công việc đã bao gồm trong báo giá khác.

Lập kế hoạch đóng gói, giao hàng và đặt lại trước lần mua đầu tiên

Thống nhất cách đóng gói túi rỗng để bảo vệ bề mặt và cơ cấu đóng của chúng. Yêu cầu nhận diện thùng carton liên kết lô hàng với phiên bản thiết kế và lô sản xuất. Số lượng giao, kích thước carton và khối lượng cả bì cần được xác nhận theo đơn hàng thay vì ước tính từ túi không liên quan.



Đối với đơn bổ sung, lưu giữ mẫu đã phê duyệt, bản vẽ, thông số vật liệu, nhận diện cơ cấu đóng và tệp thiết kế. Đơn đặt lại dùng cùng thiết kế không nhất thiết giống hết nếu màng, khóa kéo, bố cục hàn hoặc điều kiện sản xuất đã thay đổi. Yêu cầu các thay đổi đó được công bố và đánh giá trước khi coi lô mới là tương đương.

Không thêm tuyên bố có thể tái chế, có thành phần tái chế hoặc giảm nhựa nếu không có bằng chứng cho cấu trúc đã chọn và bối cảnh thải bỏ liên quan. Không có đánh giá khả năng tái chế hoặc tỷ lệ thành phần tái chế nào được cung cấp cho túi này. Mọi thay đổi vật liệu đề xuất vì lý do bền vững cũng phải được đánh giá về tính tương thích, vận hành cơ cấu đóng và phạm vi thử nghiệm áp dụng.

Người mua cần nhớ gì trước khi đặt hàng? [↑](#)

- **Yêu cầu hiệu suất cho trẻ em và người lớn là hai yêu cầu riêng biệt, không phải một điểm an toàn duy nhất.** — Hiệu quả tối thiểu là 85 % trước khi trình diễn và 80 % sau khi trình diễn đối với bài kiểm tra áp dụng cho trẻ em, cùng với ít nhất 90 % hiệu quả sử dụng ở người lớn tuổi đối với bài kiểm tra áp dụng cho người lớn ([Nguồn^{\[4\]}](#)). Đây là các tiêu chí pháp lý, không phải kết quả đo được của sản phẩm này.
- **Tuyên bố về kích thước và khả năng nạp cần có mẫu đã nạp hàng.** — Xác định sức chứa sử dụng được và độ vừa của sản phẩm từ kích thước thực tế, điều kiện nạp và xác nhận mẫu.
- **Các điều khoản thương mại vẫn chưa xác định.** — Số lượng đặt hàng tối thiểu, thời gian sản xuất, khối lượng đơn vị, giá và các lựa chọn hoàn thiện cần báo giá theo cấu hình cụ thể.
- **Kiểm tra nên bao phủ các dạng hỏng hóc riêng biệt.** — Thiết lập kiểm tra riêng cho kích thước, gắn cơ cấu đóng, sử dụng lặp lại, mối hàn, in ấn và tính tương thích.
- **Khả năng lặp lại phụ thuộc vào thông số được kiểm soát.** — Lưu giữ mẫu đã phê duyệt và ghi nhận thay đổi thay vì chỉ dựa vào tên sản phẩm hoặc thiết kế.

Xây dựng báo giá dựa trên cấu hình đã được phê duyệt [↑](#)

Túi Mylar phẳng tùy chỉnh có khóa kéo chống trẻ em cần được đánh giá như một bao bì cụ thể cho sản phẩm chứa cụ thể. Quyết định mua hàng tiếp theo không phải là tuyên bố hiệu suất không có cơ sở

nào nghe mạnh nhất, mà là kích thước, cơ cấu đóng, vật liệu và yêu cầu phê duyệt nào cần có trong báo giá. Cách tiếp cận này giữ các quyết định về mẫu, cam kết thương mại và tiêu chí nghiệm thu được liên kết với nhau.

Yêu cầu báo giá theo cấu hình cụ thể, kèm kích thước sản phẩm, điều kiện chịu tải, thị trường đích, file thiết kế in, số lượng theo thiết kế và ngày giao hàng mong muốn.

^[1]Hướng dẫn về bao bì đặc biệt của CPSC: Giải thích quan điểm không chứng thực của cơ quan, phân loại cơ cấu đóng ASTM và trách nhiệm lựa chọn bao bì phù hợp. Đây không phải chứng nhận dành riêng cho sản phẩm. [↵](#)

^[2]16 CFR §1700,20: Thiết lập quy trình thử nghiệm trẻ em và người lớn đối với bao bì đặc biệt. Tham khảo giao thức áp dụng và báo cáo của cấu hình thực tế. [↵](#)

^[3]Hướng dẫn bao bì chống trẻ em của California: Giải thích sự khác biệt giữa bao bì dùng suốt vòng đời và bao bì dùng một lần cho sản phẩm cần sa tại California; không xác lập yêu cầu của khu vực pháp lý khác. [↵](#)

^[4]16 CFR §1700,15: Quy định tiêu chí hiệu quả và hiệu suất duy trì với sản phẩm chứa cùng cách sử dụng thông thường. Các số liệu quy định không phải kết quả thử nghiệm cho sản phẩm này. [↵](#)

Product Option